TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải

Ông Lê Quang Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Hoàng Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2023, về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị D, sinh năm 1993; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Văn Hoài P, sinh năm 1991; *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ A, Khóm B, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị D, anh P tự tìm hiểu, quen biết nhau được khoảng 6 tháng và kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (số đăng ký 21, ngày 19/3/2018). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng, sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, lí do anh P thường tụ tập bạn bè đi chơi, mỗi lần cãi nhau thì anh P bỏ nhà đi vài ngày mới về, không quan tâm, chăm sóc gia đình và con cái, ngoài ra còn nhiều bất đồng quan điểm về cuộc sống, không có tiếng nói chung. Nên cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Chị D

cảm thấy hôn nhân không có hạnh phúc, cả hai có nhiều khác biệt không thể hàn gắn, nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Văn Ngọc M, sinh ngày 30/12/2017. Hiện đang chung sống với chị D. Chị D yêu cầu sau khi ly hôn thì chị D được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Văn Hoài P không gửi văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị D yêu cầu ly hôn với anh Văn Hoài P, yêu cầu được nuôi con chung; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Văn Hoài P có địa chỉ tại Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Văn Hoài P nhưng anh Văn Hoài P không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Văn Hoài P.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P trên cơ sở tự nguyện, có quen biết, tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh P.

Chị D trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do anh P chỉ lo tụ tập bạn bè đi chơi không quan tâm gia đình...như chị D đã trình bày, khi chị D góp ý thì vợ chồng cự cãi, mỗi lần cự cãi thì anh P lại bỏ nhà đi. Từ đầu năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, trong thời gian ly thân, anh P cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với chị. Hiện nay, chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích xây dựng gia đình không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Đối với anh P, Tòa án đã triệu tập, gửi các văn bản tố tụng, nhưng anh P không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Điều này chứng tỏ anh P bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không thể hiện thiện chí để đoàn tụ gia đình với chị D.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…"*

Tuy nhiên, theo như chị D trình bày cho thấy anh P không thể hiện được trách nhiệm của mình trong gia đình, không tôn trọng, chia sẽ, cùng nhau gánh vác trách nhiệm gia đình với chị D. Anh chị đã sống ly thân khoảng 4 năm, nhưng vẫn không tìm được cách để dung hòa, hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống chung của vợ chồng chị D, anh P không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, nên căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[2.2] Về con chung của chị D, anh P là cháu Văn Ngọc M, sinh ngày 30/12/2017. Hiện đang sống chung với chị D, do chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị D trình bày thời gian qua chỉ một mình chị nuôi con, anh P không phụ giúp với chị chi phí nuôi con, chị có nghề nghiệp phụ giúp quán ăn, vẫn lo được cho con. Ngoài ra, cháu M là con gái, giao cho mẹ chăm sóc sẽ thuận tiện trong việc phát triển tâm sinh lý của cháu. Do đó, giao cháu My cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D, anh P không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí:* Chị D phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị D.

- Chị Lâm Thị D được ly hôn với anh Văn Hoài P.

2/ Về con chung:

Giao con chung là cháu Văn Ngọc M, sinh ngày 30/12/2017 cho chị Lâm Thị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Văn Hoài P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Lâm Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012571 ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị Lâm Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Ủy ban nhân dân xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, (Số 21, ngày 19/3/2018);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng